

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn;
nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch.

2. Ông Lương Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 382/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn; nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị S, sinh năm 1987

- Bị đơn: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1974

Cùng trú tại: Số 87, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lưu Thị S trình bày:**

Bà và ông Đoàn Văn T tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2007.

Vợ chồng sống với nhau bình thường đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bà và ông T không thể cùng nhau

chia sẻ các công việc trong gia đình, cuộc sống vợ chồng trở nên ngọt ngào, không ai quan tâm đến ai. Ông T thường xuyên ghen tuông vô cớ, làm ảnh hưởng đến danh tiếng của bà. Từ tháng 12/2020 đến nay, bà và ông T không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm của bà đối với ông T không còn nữa nên bà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là cháu Đoàn Lưu Bảo T, sinh ngày 22/12/2008 và cháu Đoàn Lưu Mạnh C, sinh ngày 20/10/2010. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Lưu Bảo T và đồng ý để ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Lưu Mạnh C. Tạm thời không ai phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà S cam kết vợ chồng không có nợ chung.

*** Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Đoàn Văn T trình bày:**

Ông T và bà Lưu Thị S tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/12/2007.

Ông thừa nhận, trong quá trình chung sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn phát sinh từ khoảng đầu năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên xảy ra cãi vã. Ông nghi ngờ bà S sống không chung thủy với ông, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Tuy nhiên ông không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà S ngoại tình. Nay tình cảm của ông đối với bà S vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn, ông muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau, các con được sống trong tình yêu thương của cả cha và mẹ. Mặt khác do ông là người theo đạo Thiên chúa nên không được phép ly hôn. Do ông bận công việc nên không có thời gian đến Tòa án làm việc, vì vậy ông đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc tiếp theo cũng như tại phiên tòa nếu phải đưa vụ án ra xét xử.

Về con chung: Ông T và bà S có 02 con chung là cháu Đoàn Lưu Bảo T, sinh ngày 22/12/2008 và cháu Đoàn Lưu Mạnh C, sinh ngày 20/10/2010. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Lưu Mạnh C và đồng ý để bà S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Lưu Bảo T. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông T cam kết vợ chồng không có nợ chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố

tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lưu Thị S. Cho bà S được ly hôn với ông Đoàn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Đoàn Lưu Bảo T cho bà Lưu Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Đoàn Lưu Mạnh C cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Bà Lưu Thị S và bị đơn ông Đoàn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị S và ông Đoàn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2007 và đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà S, ông T xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã về những vấn đề trong gia đình. Tuy nhiên bà S xin ly hôn thì ông T không đồng ý vì tình cảm của ông đối với bà S vẫn còn, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau để cùng nhau nuôi dạy các con nên người.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, bà S vẫn cương quyết ly hôn với ông T. Điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà S được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà S, ông T có 02 con chung là cháu Đoàn Lưu Bảo T, sinh ngày 22/12/2008 và cháu Đoàn Lưu Mạnh C, sinh ngày 20/10/2010. Quá trình làm việc, bà S và ông T thống nhất trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cháu Đoàn Lưu Bảo T cho bà Lưu Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Đoàn Lưu Mạnh C cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hơn nữa cháu Đoàn Lưu Bảo T có nguyện vọng được sống cùng với bà S, cháu Đoàn Lưu Mạnh C có nguyện vọng được sống chung với ông T. Xét thấy nguyện vọng của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Cả bà S và ông T đều không yêu cầu nên tạm thời bà S và ông T đều không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lưu Thị S và ông Đoàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lưu Thị S được ly hôn với ông Đoàn Văn T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Đoàn Lưu Bảo T, sinh ngày 22/12/2008 cho bà Lưu Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Giao cháu Đoàn Lưu Mạnh C, sinh ngày 20/10/2010 cho ông Đoàn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Tạm thời bà Lưu Thị S và ông Đoàn Văn T không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bà Lưu Thị S và ông Đoàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Lưu Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0007555 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà S, ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Trảng Bom;
 - THADS huyện Trảng Bom;
 - TAND tỉnh Đồng Nai;
 - UBND xã A,
- huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Giấy CNKH số 71, ngày 24/12/2007);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm